TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TP HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2022
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Yên

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Bà Nguyễn Thị Mai

2. Ông Nguyễn Văn Chiến

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hải - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Triệu Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 159/2021/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1981; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985; Vắng mặt tại phiên tòa.

Cùng HKTT: Thôn 7, xã PX, huyện TT, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các bản khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án của nguyên đơn anh Nguyễn Bá T trình bày:

Anh với cô Nguyễn Thị L có thời gian tìm hiểu vài tháng, hai bên tự nguyện đi đến kết hôn. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PX ngày 26/02/2007. Có tổ chức cưới theo phong tục tập quán tại địa phương.

Sau khi cưới được một tháng vợ chồng anh ra ở riêng. Anh và cô L sống vui vẻ, hạnh phúc. Vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn vào năm 2017 do cô L nợ tiền nhiều. Cô L nói với anh vì vỡ nợ cô phải đi chốn nợ. Cô L bỏ đi mấy năm nay, tháng về được ngày, hai ngày thăm con xong lại đi. Trong thời gian cô L không có nhà, cô L có quan hệ bất chính với người khác và đã có con với nhau. Anh T đi thử ADN thì không phải con của anh. Anh cũng không biết rõ cụ thể cô đi đâu, ở đâu, làm gì. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng càng chở nên trầm trọng. Vợ chồng anh sống ly thân. Anh xác định không còn tình cảm với cô L và đề nghị Tòa án nhân dân huyện TT giải quyết cho anh được ly hôn cô L càng sớm càng tốt.

Về con chung: Vợ chồng anh có ba con chung cháu Nguyễn Bá T sinh ngày 03/7/2005; cháu Nguyễn Bá K, sinh ngày 08/6/2007; cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 05/12/2009. Hiện tại các cháu đang ở với anh. Nếu ly hôn anh xin nhận nuôi cả 3 cháu, không yêu cầu cô L đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung vợ chồng: Thửa đất vợ chồng anh đang ở đứng tên bố mẹ anh không phải của vợ chồng. Năm 2017 vợ chồng anh xây nhà hai tầng, diện tích 90 m^2/sàn. Làm nhà hết bao nhiêu tiền anh không biết do vợ anh cầm chi tiêu toàn bộ. Khi làm nhà bố mẹ anh cho vợ chồng anh 600.000.000 đồng làm nhà. Thiếu tiền hay không anh không biết và cũng không thấy vợ anh kêu thiếu tiền làm nhà. Cuối năm anh thấy có người đến hỏi tiền, anh hỏi cô L tiền gì thì cô L nói với anh là tiền thớt. Nhiều người đến đòi nợ năm 2018 bố đẻ anh là ông Nguyễn Bá Y đã trả 80.000.000 đồng cho anh S ở HN, QO; Ông Nguyễn Bá Y trả tiếp 40.000.000 đồng anh vay của Ngân hàng VNTV. Sau rất nhiều người đến đòi nợ ông Y không trả cho nữa. Những khoản vay cô L vay không bàn bạc gì với anh nên anh không biết cô vay của những ai, tiền sử dụng vào việc gì. Nay cô L khai nợ tại Tòa án anh không đồng ý. Khoản nợ nào anh biết anh sẽ có trách nhiệm trả, khoản nào vay riêng cô L thì tự cô L phải có trách nhiệm.

Vợ chồng anh lấy nhau nhưng cũng không mua sắm được tài sản gì. Anh không yêu cầu gì về phần tài sản.

Bị đơn chị Nguyễn Thị L khai:

Chị và anh Nguyễn Văn T có thời gian tìm hiểu gần một năm. Hai bên tự nguyện đi đến kết hôn. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PX ngày 26/02/2007. Có tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương.

Sau khi cưới chị và anh T ở chung cùng gia đình chồng được hơn một năm thì ra ăn riêng. Thời gian đầu vợ chồng chị sống vui vẻ. Chị và anh T phát sinh mâu thuẫn căng thẳng từ năm 2017 là do vợ chồng chị có làm nhà nợ nhiều. Bố mẹ chồng cho vợ chồng chị được 600.000.000 đồng tiền làm nhà. Còn chị phải đứng ra vay mượn tiền để làm nhà vợ chồng nợ nần nhiều, không có tiền trả nợ chị phải đi chốn nợ. Trong thời gian đi chốn nợ chị có quan hệ với người khác và đã có con, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng sâu sắc. Vợ chồng không ở cùng nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có ba con chung cháu Nguyễn Bá T sinh ngày 03/7/2005; cháu Nguyễn Bá K, sinh ngày 08/6/2007; cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 05/12/2009. Chị không có chỗ ở ổn định. Hiện tại các cháu đang ở với anh T. Nếu ly hôn chị tùy các cháu muốn ở với ai chị cũng đồng ý vì các cháu đã lớn.

Về tài sản chung, công nợ:

Về tài sản chung vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về công nợ: Chị yêu cầu anh T trả cho chị toàn bộ số nợ là 650.000.000 đồng là nợ tiền làm nhà. Hiện tại vẫn còn nợ chưa trả: Nợ anh T ở T (địa chỉ cụ thể chị không nhớ) số tiền 70 triệu; anh LT ở thôn 7, PX số tiền 96 triệu; anh H ở NT (địa chỉ cụ thể chị không nhớ) 70 triệu; chị TN ở B số tiền 120 triệu; Chị C TT (địa chỉ cụ thể chị không nhớ) 250 triệu; Chị TA ở B số tiền 40 triệu; Bà T ở Bùng 40 triệu; Ngân hàng TMCP VNTV 40 triệu; Ngân hàng TMCP PĐ 30 triệu.

Ngoài ra chị không yêu cầu tài sản nào khác.

Tại phiên tòa anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị L vắng mặt tại phiên tòa.

Chứng cứ các đương sự giao nộp:

- Đơn khởi kiện;
- Giấy chứng minh thư nhân dân của anh Nguyễn Bá T (bản sao);
- Giấy chứng minh thư nhân dân của chị Nguyễn Thị L (bản sao);

- Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Bá T (bản sao);

- Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Bá K (bản sao);

- Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Thị H (bản sao);

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Việc Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, thủ tục hòa giải đã được tiến hành đúng pháp luật; Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tống đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Bá T.

Con chung: Giao cho anh T nuôi cháu cháu Nguyễn Bá T sinh ngày 03/7/2005; cháu Nguyễn Bá K, sinh ngày 08/6/2007; cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 05/12/2009.

Tài sản chung, công nợ chung: Tòa án ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung vợ chồng đối với chị L là người yêu cầu. Chị L không nộp nên không có căn cứ để xem xét trong vụ án này. Dành quyền khởi kiện cho chị L bằng một vụ kiện khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện TT đã thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Bá T. Bị đơn chi Nguyễn Thị L cư trú trên địa bàn huyện TT, thành phố Hà Nội. Do vậy Toà án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Bá T và chi Nguyễn Thị L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PX, huyện TT, TP Hà Nội ngày 26/02/2007. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Bá T và chị Nguyễn Thị L được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Anh T và chị L sống vui vẻ, hạnh phúc. Thời gian mấy năm gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị L có quan hệ ngoại tình với người khác và đã có con. Ngoài ra anh T và chị L mâu thuẫn cũng là do kinh tế gia đình L vào cảnh nợ nần. Vợ chồng sống ly thân. Anh T đã xác định tình cảm vợ chồng không còn, thể hiện mâu thuẫn giữa anh T và chị L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên anh T xin ly hôn với chị L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Bá T sinh ngày 03/7/2005; cháu Nguyễn Bá K, sinh ngày 08/6/2007; cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 05/12/2009. Chị L không có chỗ ở ổn định. Hiện tại các cháu đang ở với anh T. Không để sáo trộn cuộc sống của các cháu tiếp tục giao cháu T, cháu K, cháu H cho anh T nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị L đóng góp nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

2.3. Về tài sản, công sức, công nợ chung:

Về phần tài sản: Anh Nguyễn Bá T và chị Nguyễn Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về công nợ: Chị L yêu cầu anh T trả toàn bộ số nợ là 650.000.000 đồng là nợ tiền làm nhà. Hiện tại vẫn còn nợ chưa trả gồm: Nợ anh T ở T (địa chỉ cụ thể chị không nhớ) số tiền 70 triệu; anh LT ở thôn 7, PX số tiền 96 triệu; anh H ở NT 70 triệu; chị TN ở B số tiền 120 triệu; Chị C TT 250 triệu; Chị TA ở B số tiền 40 triệu; Bà T ở B 40 triêu; Ngân hàng TMCP VNTV 40 triệu; Ngân hàng TMCP PĐ 30 triệu.

Chị L yêu cầu chia tài sản những khoản nợ do chị L tự vay anh T không biết chị L vay tiền làm gì. Tòa án ra thông báo yêu cầu chị L nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản, chị L không nộp. Do vậy, không có cơ sở xem xét khoản nợ của chị L trong vụ án này. Tách khoản nợ của chị L bằng một vụ kiện khác khi chị L có đơn yêu cầu đối với anh T.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Bá T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 243, 245, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của anh Nguyễn Bá T.

1.1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Bá T ly hôn chị Nguyễn Thị L.

1.2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Bá T nuôi cháu Nguyễn Bá T sinh ngày 03/7/2005; cháu Nguyễn Bá K, sinh ngày 08/6/2007; cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 05/12/2009, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác. Chị Nguyễn Thị L có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung vợ chồng: Anh Nguyễn Bá T và chị Nguyễn Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về công nợ: Dành quyền khởi kiện cho chị L bằng một vụ kiện khác khi chị L có đơn yêu cầu.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Bá T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồ*ng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lại thu số: AA/2020/0025187 ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn bá T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Yên

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện TT;
- CCTHADS huyện TT;
- UBND xã CS;
- Những người tham gia tố tụng.